

SSIAM VNFIN LEAD ETF



THÔNG TIN QUỸ – THÁNG 06/2021

THÔNG TIN CHUNG VỀ QUỸ

TÊN QUỸ	SSIAM VNFIN LEAD ETF
CHỈ SỐ THAM CHIẾU	VNFIN LEAD Index
SÀN NIÊM YẾT	Sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh (HSX)
BẮT ĐẦU HOẠT ĐỘNG	24/02/2020
QUY MÔ QUỸ	2.941,80 tỷ Đồng (~126,90 triệu USD) (tại ngày 30/06/2021)
TIỀN TỆ	VNĐ
CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ	Công ty Quản lý quỹ SSI (SSIAM)
GIÁ DỊCH VỤ QUẢN LÝ	0,65%
TỔNG SỐ LƯỢNG CCQ LƯU HÀNH	129.000.000

CHỈ SỐ CƠ BẢN CỦA QUỸ

SỐ LƯỢNG CỔ PHIẾU	14
HỆ SỐ P/E	14,35x
HỆ SỐ P/B	2,43x

Nguồn: Bloomberg, SSIAM

MÔ TẢ VỀ QUỸ

Quỹ SSIAM VNFIN LEAD ETF hướng tới đạt hiệu quả đầu tư bám sát mức sinh lời thực tế của Chỉ số VNFIN LEAD trong tất cả các giai đoạn.

Quỹ áp dụng chiến lược đầu tư thụ động và đầu tư vào các cổ phiếu cấu thành chỉ số VNFIN LEAD. Quỹ không hướng tới đạt hiệu quả vượt trội so với Chỉ số VNFIN LEAD hoặc đưa ra các biện pháp phòng thủ khi TTCK Việt Nam giảm điểm.

Với việc đầu tư thụ động, Quỹ có thể duy trì tỷ lệ vòng quay danh mục thấp hơn các quỹ có chiến lược đầu tư chủ động, từ đó giảm chi phí hoạt động cho Quỹ.

CHỈ SỐ THAM CHIẾU – VNFIN LEAD Index

Chỉ số VNFIN LEAD là chỉ số bao gồm tối thiểu 10 cổ phiếu, được lựa chọn từ các cổ phiếu thành phần thuộc chỉ số ngành tài chính -

VNAllShare Financials index (viết tắt VNFIN) đạt tiêu chí lựa chọn với giới hạn tỷ trọng 15% đối với cổ phiếu đơn lẻ, có giá trị giao dịch tối thiểu 10 tỷ đồng và tỷ suất quay vòng tối thiểu 0,1%.

Chỉ số VNFIN LEAD đại diện cho 26,8% vốn hóa của thị trường chứng khoán Việt Nam.

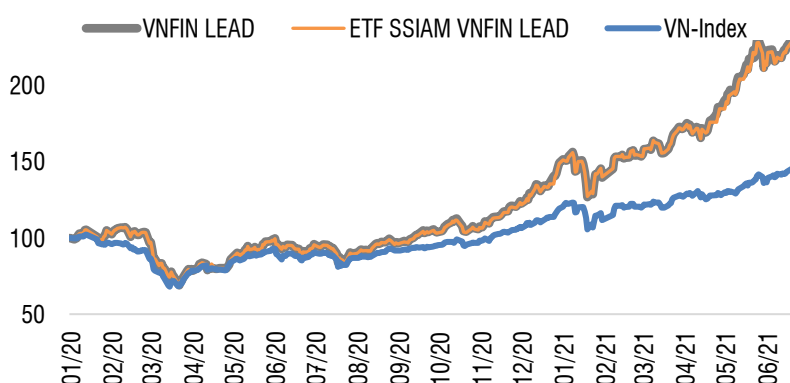
Chỉ số được xem xét điều chỉnh theo khối lượng cổ phiếu tự do chuyển nhượng định kỳ 3 tháng/lần và các cổ phiếu thành phần 6 tháng/lần.

HIỆU QUẢ ĐẦU TƯ

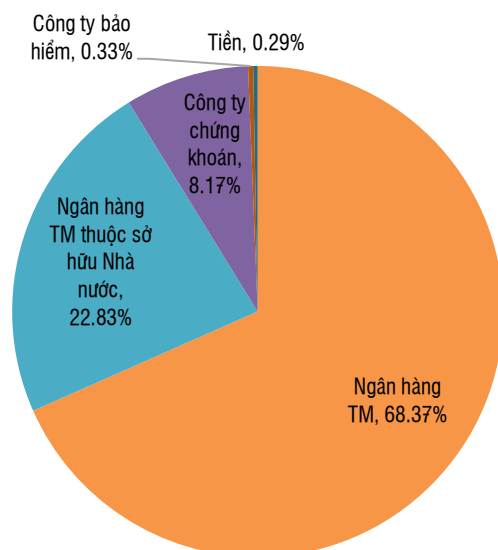
	NAV/CCQ (VNĐ)	Tăng trưởng (%)			
		1 tháng	3 tháng	Từ đầu năm	Từ ngày thành lập
ETF SSIAM VNFIN LEAD	22.804,63	2,73%	40,81%	68,18%	128,05%
VNFIN LEAD		2,68%	41,56%	68,53%	129,45%

(*) Ngày kết thúc đăng ký góp vốn: 10/01/2020.

Dữ liệu hoạt động để cập ở đây thể hiện hiệu quả hoạt động trong quá khứ, không đảm bảo kết quả trong tương lai. Giá trị lợi nhuận và số tiền gốc của khoản đầu tư sẽ thay đổi, theo đó giá trị chứng khoán của nhà đầu tư khi bán có thể cao hơn hoặc thấp hơn giá trị vốn ban đầu.



CƠ CẤU DANH MỤC TẠI NGÀY 30/06/2021 (%NAV)

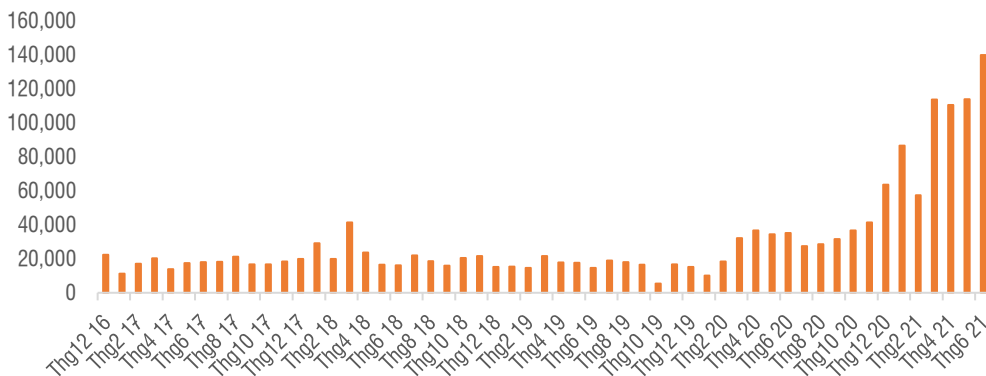


CẬP NHẬT THỊ TRƯỜNG VÀ NGÀNH TÀI CHÍNH

Trong tháng 6/2021, thị trường chứng khoán Việt Nam mặc dù có sự tăng trưởng mạnh với việc VN-Index tăng 6,06% nhưng đã xuất hiện sự bất ổn trong giao dịch khi thanh khoản bình quân sụt giảm khi chỉ số ngày 1 cao hơn. Đặc biệt những ngày đầu tháng 6 khi thị trường chứng kiến 2 phiên giảm mạnh liên tiếp ảnh hưởng lớn đến tâm lý đầu tư và nhà đầu tư trở nên thận trọng hơn rất nhiều vào giai đoạn đầu tháng 6 vừa qua. Trong nửa cuối tháng, thị trường đi lên tương đối đều và thành công vượt qua ngưỡng 1.400 điểm và tạo ra đà hưng phấn cho nhà đầu tư tham gia mạnh lại thị trường. Tuy nhiên, 2 phiên đầu tháng 2 lại lặp lại như đầu tháng 6 khi thị trường có 2 phiên giảm rất mạnh đã làm tâm lý hưng phấn trong nhà đầu tư bắt đầu giảm mạnh trở lại. Việc biến động này cũng là 1 động thái tốt giúp thị trường không trở lên quá hưng phấn liên tục.

Trong tháng 6 vừa qua, số lượng tài khoản mở mới vẫn tiếp tục thiết lập mức kỷ lục mới khi đạt 140.054 tài khoản, đưa tổng lũy kế số tài khoản mở mới trong 6 tháng đầu năm 2021 lên 619.911 tài khoản, tương ứng mức tăng 58% so với cả năm 2020, và số lượng tài khoản mở mới chiếm tới 0,62% dân số Việt Nam và đưa tổng số tài khoản chứng khoán lên hơn 3,3 triệu tài khoản ~ tương ứng 3,3% dân số Việt Nam có tài khoản chứng khoán. Còn số 5% dân số có tài khoản chứng khoán vào năm 2025 có thể sẽ sớm trở thành hiện thực trong thời gian tới.

Số lượng tài khoản nhà đầu tư cá nhân trong nước mở theo tháng



Nguồn: VSD

Kết quả kinh doanh quý 2/2021 cũng bắt đầu được tiến lộ bởi các dự báo của công ty chứng khoán cũng như các ước tính mà doanh nghiệp tự công bố. Nhìn chung kết quả kinh doanh quý 2/2021 sẽ vẫn có sự tăng trưởng rất mạnh mẽ bởi sự dẫn dắt của nhóm tài chính, ngân hàng, thép và 1 số ngành nghề khác tương tự như kết quả kinh doanh quý 1/2021 vừa qua, nhưng tốc độ tăng trưởng sẽ thấp hơn Quý 1/2021 do nền quý 2/2020 cao hơn nhiều so với nền rất thấp ở quý 1/2020.



Nguồn: FiiTrade

Định giá chung của thị trường hiện tại đang vào khoảng P/E 19,14 lần ở thời điểm hiện tại và tính dự phóng cho cả năm 2021 rơi vào khoảng 17,0 lần. Với nhóm công ty SSI đang theo dõi thì định giá thị trường đang vào khoảng 16,5 lần cho cả năm 2021 không phải là mức thật sự cao nhất là sau khi có kết quả kinh doanh quý 2/2021 ra thì con số P/E thị trường sẽ giảm từ 19,14 lần về khoảng mức 17,5 lần sẽ tương đối bình thường so với lịch sử và so với các thị trường khu vực. Nhưng rủi ro vẫn luôn hiện hữu khi lợi nhuận thị trường đang tập trung quá lớn vào các công ty kinh doanh theo chu kỳ như nhóm ngân hàng, tài chính, bất động sản, vật liệu xây dựng.

Trong kỳ, các đợt chia tách cổ phiếu mà tập trung chính vào các cổ phiếu ngân hàng đã bắt đầu diễn ra và tiếp tục diễn ra nhiều hơn vào tháng 7 tới khi hàng loạt các ngân hàng lớn như MBB, CTG đã chốt ngày chia và dự kiến chia bất ngờ như VPB, hay tin đồn chia bất ngờ tại TCB. 1 số ngân hàng cũng có những con số ước tính lợi nhuận quý 2/2021 được đưa ra trong bảng dưới đây vẫn thể hiện lợi nhuận của nhóm tài chính dẫn dắt tăng trưởng lợi nhuận của thị trường trong năm 2021 này.

No	Ticker	Weight	Market Capitalization (bn VND)	ROAttm (%)	ROEttm (%)	BVPS ttm	EPS ttm	P/E ttm	P/B ttm	Price @ 30/06/2021 (VND/share)	PBT Q2 2020 (bn VND)	Estimated PBT Q2 2021 (bn VND)	Growth (%)
1	BID VN Equity	0.86%	189,638	0.55	10.62	20,453	2,048	23.1	2.31	47,250	2,639	3,850	46%
2	BVH VN Equity	0.33%	43,426	1.35	9.52	28,649	2,552	22.9	2.04	58,400	628	283	-55%
3	CTG VN Equity	14.15%	201,064	1.38	20.93	24,665	4,765	11.1	2.14	52,700	4,485	5,000	11%
4	EIB VN Equity	1.19%	37,129	0.55	5.29	13,822	713	42.5	2.19	30,300	94		
5	HCM VN Equity	0.90%	15,435	7.08	16.39	55,137	2,463	20.7	0.93	51,100	188		
6	HDB VN Equity	4.56%	56,977	1.77	22.25	16,572	3,089	11.5	2.14	35,500	1,656	2,450	48%
7	MBB VN Equity	15.87%	122,586	2.20	21.63	19,196	3,610	12.0	2.26	43,350	2,922	4,000	37%
8	SSI VN Equity	6.37%	35,627	5.13	16.23	73,148	2,553	21.5	0.75	55,000	652		
9	STB VN Equity	15.47%	55,733	0.56	9.42	16,485	1,495	20.5	1.86	30,600	441	1,101	150%
10	TCB VN Equity	14.59%	186,812	3.34	19.98	22,566	4,070	12.9	2.34	52,700	3,616	5,700	58%
11	TPB VN Equity	1.65%	39,598	1.95	24.13	16,749	3,582	10.3	2.19	36,750	1,024	1,580	54%
12	VCB VN Equity	7.86%	429,859	1.75	22.78	27,234	5,710	20.4	4.27	116,400	5,758	6,400	11%
13	VCI VN Equity	0.81%	17,449	11.37	22.11	14,745	2,829	18.4	3.54	52,200	311		
14	VPB VN Equity	15.08%	166,432	2.73	22.49	22,811	4,604	14.7	2.97	67,700	3,673	4,500	23%

Các mức tăng trưởng và định giá trong dài hạn với các giả định tăng trưởng hiện tại vẫn cho ta kết quả khả quan với ngành tài chính vào năm 2022, mặc dù tốc độ tăng có thể thấp hơn so với năm 2021.

No	Ticker	NPAT			Growth			EPS			BVPS			P/B			P/E		
		2020	2021F	2022F	2020	2021F	2022F	2020	2021F	2022F	2020	2021F	2022F	2020	2021F	2022F	2020	2021F	2022F
1	BID VN Equity	6,997	10,790	11,811	16.4	54.2	9.5	1,447	2,232	2,443	19,040	21,723	24,659	2.5	2.2	1.92	32.7	21.2	19.3
2	BVH VN Equity	1,545	1,758	2,096	30.0	13.8	19.2	2,019	2,297	2,739	26,961	29,329	32,153	2.2	2.0	1.82	28.9	25.4	21.3
3	CTG VN Equity	13,694	17,326	20,778	44.7	26.5	19.9	3,678	4,654	5,581	22,770	27,423	33,004	2.3	1.9	1.60	14.3	11.3	9.4
4	EIB VN Equity	1,070	1,027	1,200	23.6	4.0	16.8	870	935	976	13,680	14,516	15,492	2.2	2.1	1.96	34.8	36.3	31.1
5	HCM VN Equity	530	962	1,010	22.6	81.4	5.0	1,738	3,152	3,310	14,610	17,764	21,075	3.5	2.9	2.42	29.4	16.2	15.4
6	HDB VN Equity	4,249	5,206	5,727	17.9	22.5	10.0	2,656	3,266	3,593	14,430	17,596	21,290	2.5	2.0	1.67	13.3	10.9	9.9
7	MBB VN Equity	8,263	10,678	12,983	5.6	29.2	21.6	2,993	3,868	4,703	18,140	21,955	26,594	2.4	2.0	1.63	14.5	11.2	9.2
8	SSI VN Equity	1,257	1,509	1,584	38.3	20.0	5.0	1,960	2,352	2,469	14,610	16,914	19,333	3.8	3.3	2.84	28.1	23.4	22.3
9	STB VN Equity	2,662	3,188	4,755	9.3	18.9	49.2	1,248	1,483	2,213	16,050	17,818	20,454	1.9	1.7	1.50	24.5	20.6	13.8
10	TCB VN Equity	12,325	16,527	19,233	22.3	34.1	16.4	3,448	4,623	5,380	20,736	24,851	30,938	2.5	2.1	1.70	15.3	11.4	9.8
11	TPB VN Equity	3,510	4,377	5,083	13.5	24.7	16.1	3,402	4,243	4,927	16,231	20,315	25,058	2.3	1.8	1.47	10.8	8.7	7.5
12	VCB VN Equity	18,451	23,180	27,775	0.7	25.6	19.8	4,470	5,616	6,729	26,655	32,905	40,394	4.4	3.5	2.88	26.0	20.7	17.3
13	VCI VN Equity	769	1,000	1,050	10.9	30.1	5.0	4,868	6,071	6,374	24,180	27,163	30,316	2.2	1.9	1.72	11.2	8.6	8.2
14	VPB VN Equity	10,414	12,323	14,919	26.1	18.3	21.1	4,271	5,054	6,119	21,510	26,530	32,608	3.1	2.6	2.08	15.9	13.4	11.1
Median					19.8	25.2	22.4							2.68	2.24	1.87	18.5	14.9	12.2

HOẠT ĐỘNG QUỸ

- Trong tháng 6/2021, chỉ số tham chiếu VNFIN LEAD Index có sự tăng trưởng nhẹ ở mức tăng 2,68% và lũy kế 3 tháng gần đây tăng 41,56% và lũy kế từ đầu năm 2021 tăng 68,53%. Trong cùng giai đoạn đó, quỹ ETF SSIAM VNFIN LEAD có sự tăng trưởng 2,73% trong tháng 6 và lần lượt có sự tăng trưởng 40,81% và 68,18% tương tự như chỉ số tham chiếu VNFIN LEAD Index.
- Trong tháng, thanh khoản trên sàn đạt tổng khối lượng giao dịch là 1.637.800 ccq, bình quân mỗi phiên đạt 74.445 ccq/phiên, tăng 161,6% so với cùng kỳ tháng 6/2020, và giảm 30% so với tháng 5/2020.
- Dòng tiền vào quỹ VNFIN LEAD trong kỳ có sự tăng trưởng nhẹ với số lượng chứng chỉ quỹ đạt 129,0 triệu đơn vị tăng 1,7% so với cuối tháng 5/2021, với giá trị tài sản ròng của quỹ đạt 2.941,8 tỷ đồng (> 120 triệu USD), tăng 4,5% so với cuối tháng 5/2021 nhờ hiệu quả đầu tư và phát hành thêm chứng chỉ quỹ cho nhà đầu tư trong kỳ.

DANH MỤC ĐẦU TƯ CỦA QUỸ

STT	Mã CK	Tên công ty	Tỷ trọng (%)	Vốn hóa TT (tr USD)	FOL (%)	ROE (%)	ROA (%)	Tăng trưởng YTD (%)	P/E 2020	P/E 2021F	P/E 2022F
1	MBB	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội	15,91	5.270,69	23%	21,6	2,2	88,5%	14,48	11,21	9,22
2	STB	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín	15,34	2.397,66	31%	9,4	0,6	81,1%	24,52	20,63	13,83
3	VPB	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	15,33	7.219,53	15%	22,5	2,7	108,3%	15,85	13,40	11,06
4	TCB	Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam	14,44	8.024,18	22%	20,0	3,3	67,3%	15,29	11,40	9,80
5	CTG	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam	13,90	8.524,41	30%	20,9	1,4	52,5%	14,33	11,32	9,44
6	VCB	Ngân hàng Thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam	8,07	18.754,65	30%	22,8	1,7	18,9%	26,04	20,73	17,30
7	SSI	Công ty cổ phần Chứng khoán Sài Gòn	6,45	1.564,81	100%	16,2	5,1	66,2%	28,06	23,39	22,27
8	HDB	Ngân hàng Phát triển TPHCM	4,53	2.457,91	22%	22,3	1,8	49,5%	13,32	10,87	9,88
9	TPB	Ngân hàng Thương mại cổ phần Tiên Phong	1,63	1.710,93	30%	24,1	2,0	37,1%	10,80	8,66	7,46
10	EIB	Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam	1,19	1.618,31	30%	5,3	0,6	57,4%	34,83	36,28	31,06
11	HCM	Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh	0,92	677,16	49%	16,4	7,1	62,7%	29,40	16,21	15,44
12	BID	Ngân hàng Thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam	0,87	8.255,80	30%	10,6	0,5	-1,4%	32,65	21,17	19,34
13	VCI	CTCP Chứng khoán Bản Việt	0,80	755,14	50%	22,1	11,4	-10,3%	11,18	8,60	8,19
14	BVH	Tập đoàn Bảo Việt	0,33	1.883,30	49%	9,5	1,4	-11,5%	28,93	25,42	21,32

THÔNG TIN LIÊN HỆ

SSI ASSET MANAGEMENT CO LTD

Business Development – Director

Mr. Ho Minh Tri (+84) 28 3824 2897 ext 1628 or (+84) 90 888 9669

trihm@ssi.com.vn

Portfolio Manager

Mr Nguyen Minh Hanh Tel: (+84) 4 3936 6321 ext: 1602

hanhnm2@ssi.com.vn

SSI SECURITIES CORPORATION (SSI)

Managing Director, Institutional Brokerage

Mr. Nguyen Anh Duc (+84) 979 585658

ducna1@ssi.com.vn

MIRAE ASSET SECURITIES (VIET NAM) LIMITED LIABILITY COMPANY (MAS)

Sales Manager

Mr. Dinh Quang Thien (+84) 90 2474538

thien.dq@miraeasset.com.vn

BIDV SECURITIES JOINT STOCK COMPANY (BSC)

Head of Structured Products

Mr. Vu Giang Son (+84) 91 668 1202

sonvg@bsc.com.vn

KHUYẾN CÁO

Tài liệu này được viết và phát hành bởi công ty TNHH Quản Lý Quỹ SSI (SSIAM). Tài liệu này chỉ mang tính chất tham khảo và có thể thay đổi mà không cần thông báo. Tài liệu này không phải là bản cáo bạch, lời đề nghị hay là bất kỳ cam kết nào của SSIAM. SSIAM không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi tài liệu này dưới mọi hình thức khi các vấn đề thuộc về quan điểm, dự báo và ước tính trong tài liệu này thay đổi hoặc trở nên không chính xác.

Trong trường hợp có bất kỳ thay đổi về thông tin nhà đầu trong Phần A của Hồ Sơ Nhà Đầu Tư đã gửi SSIAM, kính đề nghị Quý Nhà Đầu Tư cập nhật cho chúng tôi trong thời gian sớm nhất.

Tài liệu này không nên được sử dụng cho mục đích ghi nhận kế toán, thuế hay để đưa ra các quyết định đầu tư. Nhà Đầu Tư nên chú ý rằng kết quả hoạt động trong quá khứ không hàm ý đảm bảo cho kết quả hoạt động của Quý trong tương lai. Giá trị của một chứng chỉ quỹ và thu nhập của Quý có thể tăng hoặc giảm nên không thể được bảo đảm bởi Công Ty Quản Lý Quỹ. Trường hợp Nhà Đầu Tư nghi ngờ về quyết định đầu tư của mình thì nên tìm hiểu thêm thông tin hoặc tham khảo ý kiến chuyên gia để có quyết định đầu tư thích hợp.



“Công Ty Quản Lý Quỹ của Năm” năm 2012, 2014

“Công Ty Quản Lý Quỹ Nội Địa của Năm” năm 2015, 2016, 2017, 2018

AsianInvestor

“Công Ty Quản Lý Quỹ Nội Địa Tốt Nhất Việt Nam” năm 2010

“Công Ty Quản Lý Quỹ Tốt Nhất Việt Nam” năm 2015, 2016, 2017, 2018